



SMART INVEST
Securities Services

CK	Trần	Sàn	TC	Bên mua				Khởi lệnh				Bên bán								Tổng KL	Cao	Thấp
				Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	+/-	↓ +/- (%)	Giá 2	Giá 1	KL 1	KL 2	Giá 3	KL 3			
VRE	23.75	20.65	22.20	23.05	20,700	23.10	45,800	23.15	3,000	23.15	100	0.95	4.30%	23.25	23.20	16,300	16,400	23.30	10,900	690,200	23.30	22.50
KDH	23.20	20.20	21.70	22.25	2,500	22.30	12,100	22.40	1,800	22.45	1,000	0.75	3.50%	22.50	22.45	1,800	12,700	22.60	1,000	450,300	22.95	22.00
GVR	14.40	13.80	14.30	14.80	18,300	14.80	18,400	13.95	200	13.95	2,000	0.45	3.30%	14.05	14.00	3,900	10,500	14.10	22,000	410,700	14.05	13.60
TCB	22.85	21.55	22.50	22.55	47,100	22.55	88,000	22.05	28,900	22.05	600	0.65	3.00%	22.15	22.10	41,300	23,800	22.20	58,300	1,755,200	22.30	21.50
BID	33.90	31.00	32.50	32.50	10,000	32.50	6,000	32.65	16,100	32.70	5,000	1.00	3.20%	32.75	32.70	17,000	28,100	32.80	24,700	225,600	32.80	31.50
SSI	15.85	13.85	14.85	15.20	452,400	15.25	273,100	15.30	16,600	15.30	3,400	0.45	3.00%	15.40	15.35	17,000	58,900	15.45	41,700	6,265,800	15.60	15.00
MB	16.05	13.95	15.00	15.35	69,800	15.40	166,600	15.45	44,000	15.45	56,000	0.45	3.00%	15.55	15.50	100,900	86,600	15.60	510,600	5,866,800	15.65	15.00
CTG	23.95	20.85	22.40	22.95	30,700	23.00	80,800	23.05	23,600	23.05	1,000	0.65	2.90%	23.15	23.10	25,500	54,200	23.20	105,600	1,639,800	23.30	22.50
ACB	22.05	19.25	20.65	21.00	41,600	21.05	13,600	21.10	14,000	21.15	100	0.50	2.40%	21.20	21.15	26,200	29,600	21.25	44,200	979,600	21.30	20.50
MBB	17.50	15.30	16.40	16.65	105,700	16.70	117,100	16.75	29,600	16.80	500	0.40	2.40%	16.85	16.80	32,300	128,100	16.90	188,100	3,026,300	16.90	16.50
PLX	29.65	25.85	27.75	28.15	2,000	28.20	1,400	28.25	1,400	28.30	100	0.55	2.00%	28.35	28.30	500	3,300	28.40	12,000	192,600	28.40	27.90
POW	10.70	9.30	10.00	10.05	289,100	10.10	219,500	10.15	39,300	10.15	100	0.15	1.50%	10.25	10.20	173,300	244,000	10.30	409,700	1,321,000	10.25	10.00
VNM	81.30	70.70	76.00	77.10	5,000	77.20	11,100	77.30	4,900	77.40	200	1.40	1.80%	77.50	77.40	12,500	47,200	77.60	2,300	433,700	77.40	76.00
HPG	18.05	15.75	16.90	17.00	540,100	17.05	123,500	17.10	226,500	17.15	100	0.25	1.50%	17.20	17.15	21,500	103,600	17.25	50,300	4,636,700	17.40	16.90
VCB	74.90	65.10	70.00	70.70	9,000	70.80	9,500	70.90	2,600	70.90	400	0.90	1.30%	71.10	71.00	19,900	1,200	71.20	3,600	148,200	70.90	69.30
BVH	54.70	47.65	51.20	51.60	17,500	51.70	15,700	51.80	2,500	51.80	200	0.60	1.20%	52.00	51.90	700	9,400	52.10	1,400	262,900	52.30	51.20
MSN	83.40	72.60	78.00	78.70	4,100	78.80	9,300	78.90	4,800	78.90	100	0.90	1.20%	79.10	79.00	1,000	1,100	79.20	300	237,400	79.50	77.00
GAS	115.50	100.50	108.00	108.70	6,600	108.80	7,200	108.90	7,700	109.00	500	1.00	0.90%	109.20	109.10	1,000	1,100	109.30	1,600	54,500	109.00	107.10
FPT	78.90	68.70	73.80	74.00	25,400	74.10	23,100	74.20	10,100	74.30	100	0.50	0.70%	74.40	74.30	400	1,000	74.50	3,400	263,900	74.80	73.70
VHM	46.50	40.50	43.50	43.65	6,400	43.70	15,200	43.75	15,500	43.80	4,100	0.30	0.70%	43.85	43.80	900	17,000	43.90	18,000	1,574,100	44.60	43.40
SAB	199.10	173.10	186.10	187.00	3,900	187.10	2,200	187.15	2,100	187.20	100	1.10	0.60%	188.60	188.00	2,800	1,000	188.80	1,100	57,900	188.90	183.50
HDB	17.05	14.85	15.95	15.85	5,600	15.90	6,100	15.95	6,100	16.00	1,100	0.05	0.30%	16.05	16.00	13,400	31,900	16.10	1,100	479,900	16.10	15.65
VJC	115.00	101.00	107.10	107.10	8,000	107.20	107.20	107.20	8,000	107.30	500	0.10	0.10%	107.40	107.30	1,000	1,000	107.40	8,000	29,200	108.40	106.00
TBB	21.40	19.20	20.20	20.20	2,000	20.20	2,000	20.20	2,000	20.20	2,000	0.20	0.90%	20.20	20.20	2,000	2,000	20.20	2,000	679,700	20.40	19.85



SMART INVEST

Securities Services

Báo cáo thống kê chu kỳ TTCK VN

T11/2022

Báo cáo thống kê chu kỳ TTCK VN

T11/2022

Chu kỳ 2009-2012

- Tỷ lệ điểm giảm trên tỷ lệ điểm tăng = 77%
- Thời gian tăng trên thời gian giảm = 1/3
- Tổng thời gian diễn ra chu kỳ xấp xỉ: 150 tuần



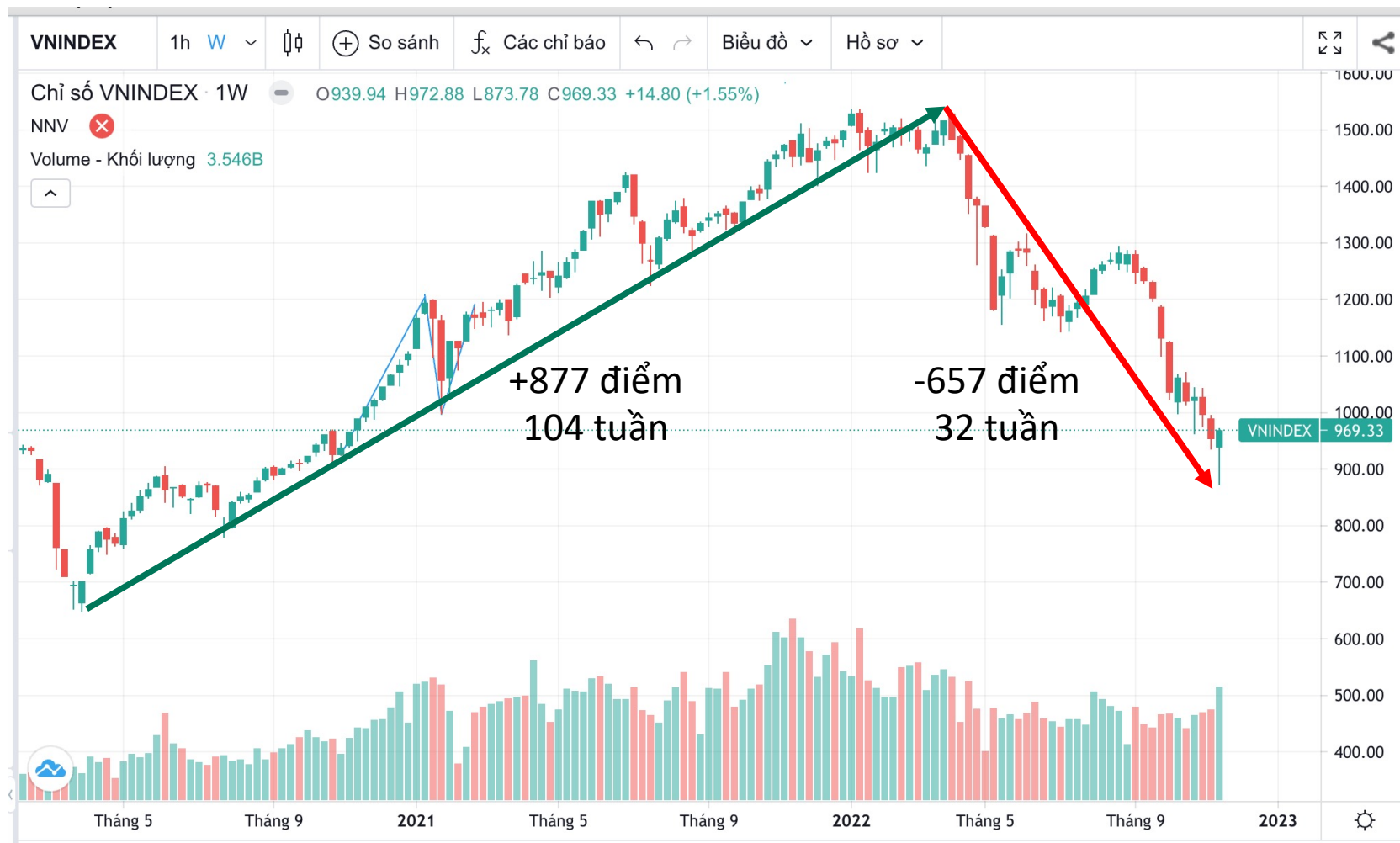
Chu kỳ 2016-2020

- Tỷ lệ điểm giảm trên tỷ lệ điểm tăng = 78.5%
- Thời gian tăng xấp xỉ bằng thời gian giảm
- Tổng thời gian diễn ra chu kỳ 216 tuần



Chu kỳ 2020-2023

- Tỷ lệ điểm giảm trên tỷ lệ điểm tăng hiện tại = 75%
- Thời gian tăng dài gấp ba thời gian giảm
- thời gian diễn ra chu kỳ tính đến hiện tại 134 tuần



Nhận xét

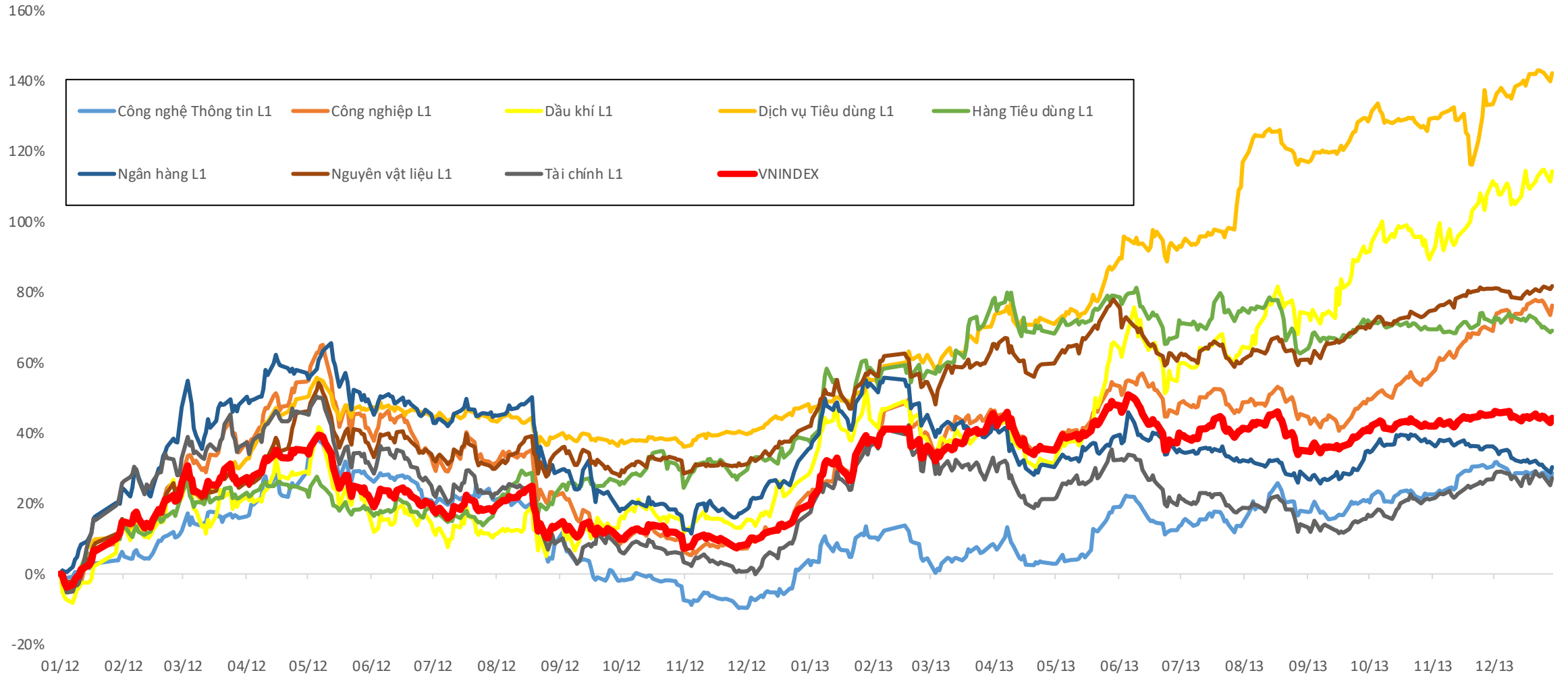
- Chu kỳ 3 giảm giá nhanh nhất trong hơn 30 tuần với mức giảm gần tương đương 2 chu kỳ trước (trong trên 100 tuần)
- 2 Giai đoạn đầu đều diễn ra trong các khung thời gian khoảng 4 năm
- Thời gian tạo đỉnh và đáy rõ xu hướng có thể chênh lệch nhau (có giai đoạn uptrend diễn ra trong 34 tuần, còn 2 chu kỳ gần đây đều diễn ra trong khoảng 2 năm)
- Điểm trùng hợp lạ kì: Tỷ lệ điểm giảm trên điểm tăng đều 3 chu kỳ rất sát mức 75%.
- 2 chu kỳ đầu tiên đều có trend giảm trong vòng hơn 100 tuần (khoảng 2 năm)
- Giai đoạn thứ 3 đang có thời gian tăng tương tự chu kỳ 2 và thời gian giảm gần bằng chu kỳ 3

Kết luận

- Nếu thống kê này lặp lại thì đáy dài hạn sắp tới với mức giảm tối đa ở mức điểm giảm bằng 78% điểm tăng, tức đáy dài hạn có thể ở quanh vùng 850+-20 điểm
- Độ dài đáy có thể rơi vào 2 trường hợp:
 - Lạc quan: 35-50 tuần như chu kỳ 1. Đáy dài hạn sẽ là ngay hiện tại trong tháng 11 hoặc trong Q1/2023
 - Thận trọng: khoảng 100 tuần (2 năm) như chu kỳ 2. Đáy dài hạn có thể đạt được chậm nhất đầu 2024. Tuy nhiên điểm số sẽ không giảm nhiều và khó qua khỏi vùng 800. Thị trường sẽ đi ngang và tích lũy lâu hơn giống giai đoạn 2019.

Biểu đồ giai đoạn 2012-2014 theo ngành

Đơn vị: %



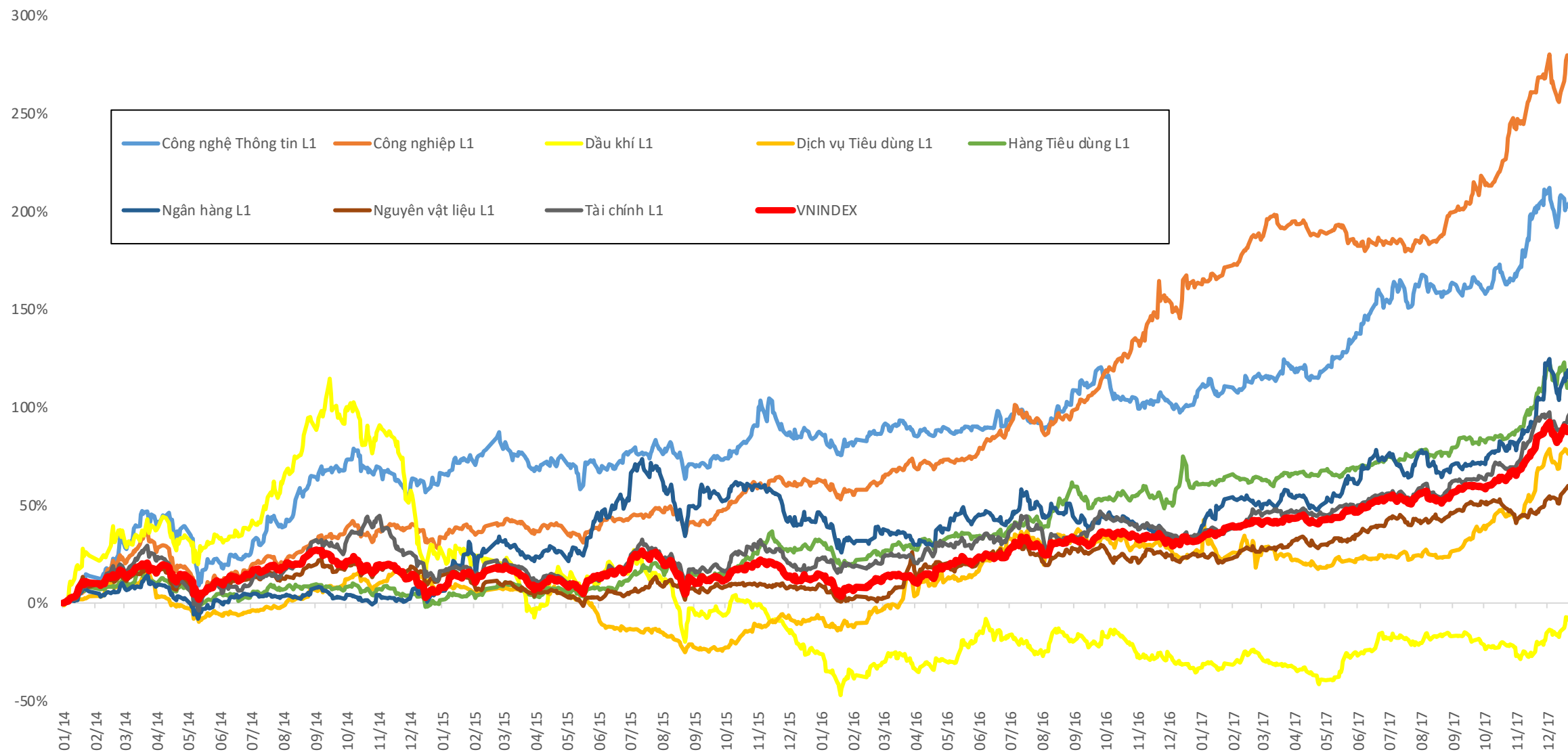
Các ngành đáng chú ý trong chu kỳ từ đáy 2012

Quy mô thị trường tương đối nhỏ, các ngành tương đối phân hoá, câu chuyện diễn ra ở một số cổ phiếu lớn như VNM, BVH hay PVD đã dẫn dắt thị trường tương đối nhiều:

- Dầu khí: Dầu khí là ngành tăng mạnh và ấn tượng nhất với nhiều cổ phiếu. PVD và PVS đều tăng mạnh trong suốt cả chu kỳ và tương quan chặt chẽ với giá dầu trên thế giới.
- Bank: CTG và VCB tăng mạnh nhịp đầu nhịp sau yếu, các bank tư nhân trước đó rất ít và ở quy mô nhỏ hơn rất nhiều so với bây giờ. Tóm lại ngành bank giai đoạn này vẫn còn rất yếu và vẫn cũng dính vào các câu chuyện lùm xùm bên lề
- Chứng khoán: SSI, HCM là số ít cổ phiếu chứng khoán tăng sớm và tăng mạnh từ đáy.
- Thép: Tăng không đồng pha, HSG tăng tương đối mạnh và đều. NKG không rõ xu hướng và HPG tăng vào nhịp sau

Biểu đồ giai đoạn 2014-2018 theo ngành

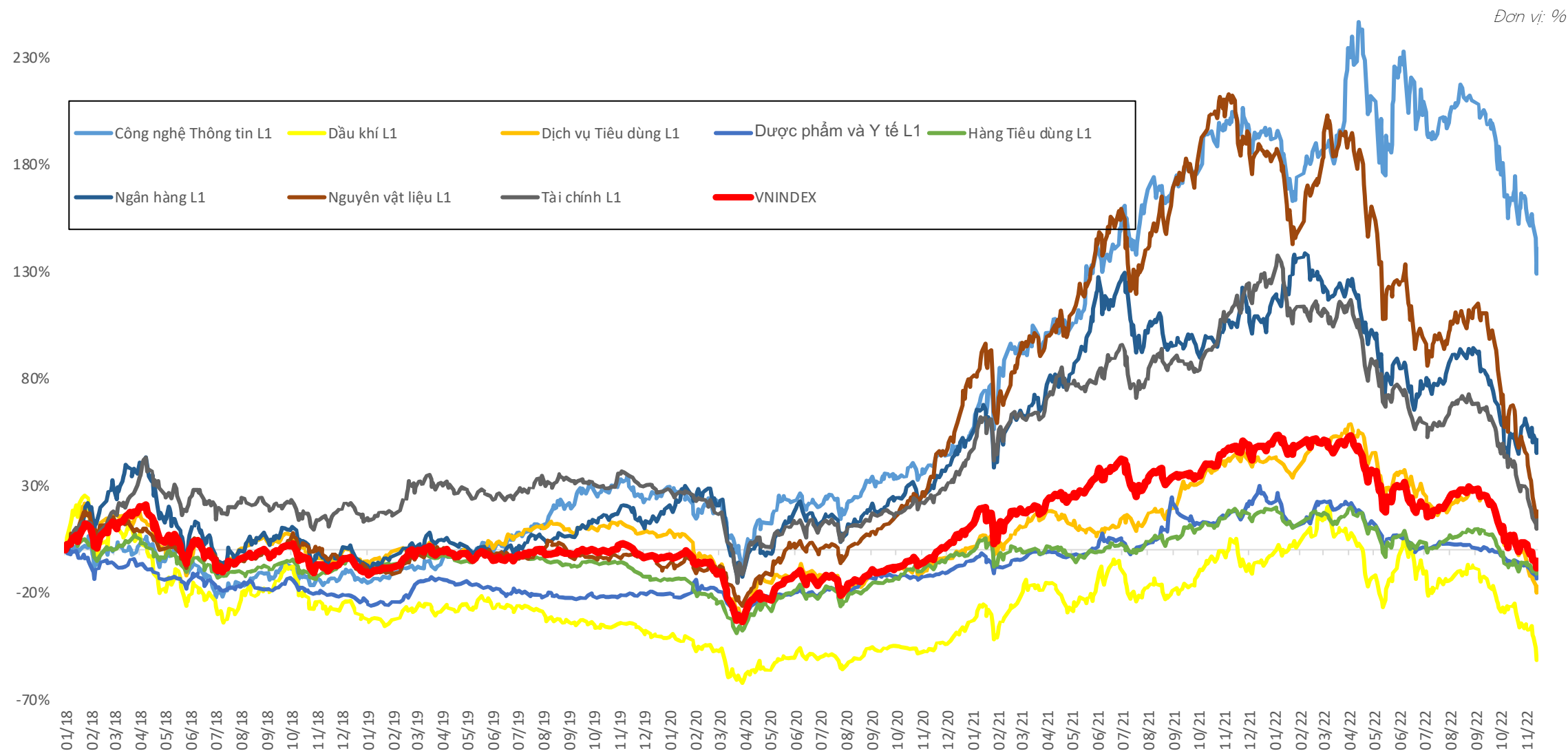
Đơn vị: %



Các ngành đáng chú ý trong chu kỳ từ đáy 2016

- Bank: Hồi mạnh vào nhịp sau (năm thứ 2 của uptrend). Vẫn có nhóm nhà nước VCB BID hồi mạnh từ đáy, do đáy 2016 là một vùng tích lũy nên không có sự bật mạnh của bank tư nhân. Tư nhân năm uptrend thứ 2 perform rất tốt (TCB, MBB, ACB)
- Chứng khoán: Tăng mạnh vào nhịp sau, giai đoạn tích lũy đáy tương đối dài với cả nhóm chứng khoán.
- Thép: Nhóm tăng mạnh nhất và nhanh nhất từ đáy 2016. Từ đáy này HSG NKG HPG đều tăng mạnh từ sớm, và là nhóm lead thị trường giai đoạn đó, nhịp đầu HSG NKG tăng mạnh và tạo đáy trước.
- Dầu khí: PVD, PVS cũng hồi khá mạnh do giảm nhiều từ uptrend 2013-2014, và nhóm này vẫn được chú ý và nhiều kì vọng. Tuy nhiên nhịp sau đều giao dịch không rõ xu hướng hoặc rất yếu so với VNINDEX
- Bán lẻ và nhóm có câu chuyện riêng: MWG, PNJ đều tăng rất mạnh từ đầu cả 2 cổ phiếu đều có câu chuyện thuận thị trường và đặc biệt PNJ đã tăng 50% khi thị trường tạo đáy.
- Nhóm sản xuất, công nghiệp: cũng là nhóm outperform thị trường trong giai đoạn từ đáy đi lên đặc biệt là VNM, VCS và PTB cũng giống PNJ khi tăng 50% khi thị trường tạo đáy, và tiếp tục đi lên mạnh mẽ hơn dẫn dắt thị trường từ đầu sóng
- Penny: Tăng vào nhịp cuối cùng

Biểu đồ giai đoạn 2018-2022 theo ngành



Các ngành đáng chú ý trong chu kỳ từ đáy 2018, 2020

- Bank: Trước nhịp sập giảm rất ít và hồi bật lên cũng mạnh, đặc biệt là bank quốc doanh BID, CTG, VCB cả BID và VCB đều hồi khoảng 50 60% từ đáy 2018 và 2020. Riêng CTG có câu chuyện tái cơ cấu và mạnh mẽ hơn vào 2020 cũng như từ đáy 2022
- Chứng khoán: Chứng khoán từ đáy 2018 lên khoẻ hơn đáy 2020, nhưng thường tăng mạnh vào pha sau của sóng uptrend (tiền vào bank trước) đặc biệt những đoạn hồi từ đáy thì HCM thường hồi mạnh nhất, VCI và VND tăng sau nhưng tăng rất mạnh vào các nhịp cuối.
- Thép: Nhóm tăng mạnh nhất và nhanh nhất từ đáy covid 2020, trước đó giảm cũng mạnh nhưng nhịp hồi break luôn nền cũ 2019. Thép nhịp trước thuận với chu kì thép hơn nhịp này. Nếu đáy thị trường được tạo trong 2023 có thể sẽ đồng pha với thị trường thép hơn và có thể tạo nên đà tăng mạnh mẽ hơn. HPG HSG thường tăng mạnh từ đáy, NKG tăng sau nhưng nhịp sau thối hơn.
- Dầu khí: Trở nên underperform với các ngành khác trong cả giai đoạn, yếu hơn rất nhiều so với giai đoạn 2013-2014. BSR vẫn là cổ phiếu tăng mạnh nổi bật trong nhóm dầu khí, PVD mất đi lợi thế độc quyền nên không còn khoẻ như trước.
- Phân đạm, hoá chất: DPM, DCM hay DGC đều có câu chuyện riêng, thương nhóm hàng hoá, chu kì có câu chuyện sẽ tăng mạnh vào nhịp sau (năm thứ 2 của uptrend)
- Penny: Tăng mạnh vào nhịp cuối cùng

Tóm tắt diễn biến sự kiện chính VNINDEX từ 2012-2022

Sự kiện	-NHNN tăng lãi suất chiết khấu từ 7-13% -CPI tháng 8/12 cao hàng đầu lịch sử 23% yoy -Bầu kiên bị bắt -Hồi cùng nhịp thế giới - Cổ phiếu dẫn dắt VNM		-NHNN công bố tỷ lệ nợ xấu hệ thống 10%/tổng dư nợ -Xung đột Nga Ukrain -Giá hàng hoá vào pha tăng mạnh		-Xét xử các vụ vi phạm kinh tế -Giá hàng hoá giảm mạnh -Lãi suất ở mức thấp		-VND mất giá trầm trọng 2015 -Đinh La Thăng bị bắt -Brexit tác động tâm lí toàn cầu -Cổ phiếu ROS, JVC bốc hơi		-Phái sinh ra đời 2017 -Đại sóng Ngân Hàng (nhiều ngân hàng đạt mốc tỷ đô) -VN lọt danh sách theo dõi nâng hạng của FTSE _NN mua ròng hàng tỷ đô		-Chiến tranh thương mại Mỹ Trung -FED tăng lãi suất 3 lần trong giai đoạn -Việt Nam gia nhập CPTPP, ký EVFTA -ETF ngoại rút ròng 2019 -Cổ phiếu FTM, FHH bốc hơi		-WHO tuyên bố đại dịch Covid toàn cầu -Lockdown toàn thế giới -VN thực hiện cách ly toàn xã hội -Các gói kích thích hỗ trợ, lãi suất rẻ được đẩy ra mạnh trên toàn cầu -Tài khoản mở mới bắt đầu tăng mạnh (cuối 2020)		-Thanh khoản bắt đầu đạt kỷ lục (2021) _Quy mô tăng vốn DNNY kỷ (2021) -NN bán ròng kỷ lục (2021) -Lạm phát có dấu hiệu tăng -FED công bố dự kiến tăng lãi suất vào 2022		-FED tăng lãi suất -Nguy cơ vỡ nợ bong bóng trái phiếu -TT BĐS thiếu thanh khoản -Xử lý sai phạm chính trị, kinh tế -Giải chấp cổ phiếu hàng loạt trên hệ thống	
Số ngày biến động		122	179	658	515	809	93	334	294	731	228							
Từ ngày	1/9/12	5/10/12	11/5/12	8/25/14	1/22/16	4/10/18	7/12/18	6/11/19	3/31/20	4/1/22	11/15/22							
Trạng thái	đáy	đỉnh	đáy	đỉnh	đáy	đỉnh	đáy	Đi ngang trong biên độ	đáy	đỉnh	đáy							
Công nghệ Thông tin L1	0%	38%	-33%	122%	11%	89%	-27%	34%	-11%	262%	-32%							
Công nghiệp L1	0%	71%	-36%	116%	20%	133%	-18%	13%	-31%	150%	-42%							
Dầu khí L1	0%	51%	-19%	263%	-71%	77%	-35%	12%	-49%	177%	-54%							
Dịch vụ Tiêu dùng L1	0%	58%	-12%	83%	-15%	143%	-20%	16%	-34%	131%	-49%							
Dược phẩm và Y tế L1	0%	19%	0%	90%	-22%	136%	-11%	1%	-16%	77%	-28%							
Hàng Tiêu dùng L1	0%	30%	3%	43%	9%	88%	-14%	11%	-36%	91%	-25%							
Ngân hàng L1	0%	60%	-31%	22%	20%	173%	-36%	8%	-12%	160%	-36%							
Nguyên vật liệu L1	0%	55%	-15%	67%	-15%	81%	-18%	9%	-23%	289%	-61%							
Tài chính L1	0%	57%	-31%	53%	-5%	141%	-17%	8%	-30%	140%	-49%							
Tiện ích Cộng đồng L1	0%	86%	-12%	227%	-61%	210%	-28%	31%	-33%	98%	-10%							
Viễn thông L1	0%	-15%	189%	17%	-12%	103%	-12%	33%	-25%	101%	-49%							
VNINDEX	0%	43%	-22%	66%	-17%	129%	-25%	7%	-31%	129%	-40%							

TỔNG KẾT

Chu kỳ 2022

- Đáy dài hạn có thể ở quanh vùng 850+-20 điểm:
- Độ dài đáy có thể rơi vào 2 kịch bản:
 - Lạc quan: 35-50 tuần như chu kỳ 1. Đáy dài hạn sẽ là ngay hiện tại trong tháng 11 hoặc trong Q1/2023
 - Thận trọng: khoảng 100 tuần (2 năm) như chu kỳ 2. Đáy dài hạn có thể đạt được chậm nhất đầu 2024. Tuy nhiên điểm số sẽ không giảm nhiều và khó qua khỏi vùng 800. Thị trường sẽ đi ngang và tích lũy lâu hơn giống giai đoạn 2019.

Nhóm ngành lựa chọn phù hợp từ đáy

- Xét về độ sâu của thị trường thì mức giảm điểm có thể tương đương đáy dài hạn nhưng về độ dài thì rất có thể thị trường sẽ cần tích lũy thêm ở vùng đáy.
- Các chu kỳ gần đây nhóm thép là nhóm hấp dẫn nhất với HPG và HSG.
- Đồng pha với nhịp hồi thường là Bank và mạnh mẽ nhất là bank tư nhân BID CTG và VCB
- Chứng khoán thường tăng mạnh hơn vào pha giữa và cuối của chu kỳ.
- Cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng riêng, thường tăng vào nhịp giữa